

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026
(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Quảng Nam
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DQU
- 3. Địa chỉ trụ sở:** Số 102 đường Hùng Vương, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://www.qnamuni.edu.vn/>
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0868343058 - 02353 812933
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh**
<http://qnamuni.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh/>

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành ...)

<http://qnamuni.edu.vn/chuyen-muc/cong-khai/ba-cong-khai/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT);
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định;
- Đối với thí sinh dự tuyển vào nhóm ngành đào tạo giáo viên phải có nơi thường trú tại thành phố Đà Nẵng.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Xét tuyển; Kết hợp thi tuyển và xét tuyển.

2.1. Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên

Phương thức 100: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Phương thức 200: Xét kết quả học tập THPT (học bạ 3 năm) đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026.

Phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Phương thức 402: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TPHCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026.

2.2. Đối với nhóm ngành còn lại

Phương thức 100: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Phương thức 200: Xét kết quả học tập THPT (học bạ 3 năm) đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026.

Phương thức 301: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Phương thức 402: Xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TPHCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026

Phương thức 502: Xét kết quả học tập THPT (học bạ 3 năm) đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026.

2.3. Xét tuyển kết hợp thi tuyển

Đối với ngành Giáo dục Mầm non: xét tuyển (các môn văn hóa) và thi tuyển (các môn năng khiếu).

Phương thức 405: Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

Phương thức 406: Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026 và điểm thi năng khiếu.

Phương thức 501: Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM/ĐHSP Hà Nội năm 2026 và điểm thi năng khiếu.

Điểm xét tuyển: Là tổng điểm 3 môn (trong kỳ thi tốt nghiệp THPT hoặc trung bình chung tổng điểm 3 môn trong học bạ) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi của từng tổ hợp môn đăng ký xét tuyển và cộng với điểm ưu tiên (quy đổi) nếu có theo quy chế hiện hành.

- Đối với phương thức xét theo kết quả thi ĐGNL:

Điểm xét tuyển = Điểm đạt*30/1200 + Điểm ưu tiên (quy đổi) nếu có theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Đối với phương thức xét theo kết quả thi ĐGNL cho ngành GD Mầm non:

Điểm xét tuyển = Điểm đạt*20/1200 + Điểm TBC (năng khiếu) + Điểm ưu tiên (quy đổi) nếu có theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

2.4. Xét tuyển chuyên ngành: Sau khi có kết quả trúng tuyển vào Trường, Nhà Trường sẽ thực hiện xét tuyển chuyên ngành (Tiếng Anh du lịch) đối với ngành Ngôn ngữ Anh theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu chuyên ngành. Thông báo chi tiết sẽ được đăng tải tại địa chỉ: <http://qnamuni.edu.vn/chuyen-muc/tuyen-sinh/>

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

Nhà trường thực hiện việc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.1. Ngưỡng đầu vào

3.1.1. Thí sinh xét tuyển theo kỳ thi tốt nghiệp THPT

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên:

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sẽ được công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong đó:

Ngành Giáo dục Mầm non: Theo quy định của Bộ GD&ĐT và điểm các môn Năng khiếu ≥ 5.0 .

- Đối với nhóm ngành còn lại: Công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

3.1.2. Thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT

- Đối với các ngành đào tạo giáo viên: Thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quyết định; hoặc kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên), và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,50 trở lên; đối với ngành Giáo dục Mầm non kết hợp điều kiện điểm thi môn năng khiếu ≥ 5.0 ;

- Các ngành còn lại: Đã tốt nghiệp THPT và có tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn ≥ 15.0 .

3.1.3. Thí sinh xét tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM và ĐHSPT Hà Nội

- Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên: Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại giỏi trở lên).

- Các ngành còn lại: Có tổng điểm bài thi ĐGNL từ 600 điểm trở lên.

3.2. Điểm trúng tuyển

Nhà trường sẽ công bố sau khi thực hiện việc quy đổi theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

suonghtt9-05/03/2026 15:38:18-suonghtt9-suonghtt9-suonghtt9

4. Số lượng tuyển sinh:

Mã trường: DQU

Địa chỉ: 102 đường Hùng Vương, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
1	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	108	1. Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và điểm thi năng khiếu	M00: Ngữ văn, Toán, Năng khiếu
						2. Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 và điểm thi năng khiếu	M01: Ngữ văn, Lịch sử, Năng khiếu M02: Toán, Tiếng Anh, Năng khiếu M03: Ngữ văn, GDKT&PL, Năng khiếu
					02	3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM/ĐHSP Hà Nội năm 2026 và điểm thi năng khiếu	
						4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	145	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026	A00: Toán, Vật lí, Hóa học
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					11	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
3	7140209	Sư phạm Toán	7140209	Sư phạm Toán	43	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026	A00: Toán, Vật lý, Hóa học
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ Văn, Toán, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
4	7140211	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	10	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh A02: Toán, Vật lý, Sinh học D11: Văn, Vật lý, Tiếng Anh X07: Toán, Vật lý, Công nghệ công nghiệp

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
5	7140213	Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	9	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026	B00: Toán, Hóa học, Sinh học
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	B03: Toán, Ngữ Văn, Sinh học B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh D13: Ngữ Văn, Sinh học, Tiếng Anh C08: Ngữ Văn, Hóa học, Sinh học
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					03	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
6	7140217	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	43	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí; D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh;

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	X70: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
						1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
7	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	28	3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
					02	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
8	7140247	Sư phạm Khoa học tự	7140247	Sư phạm Khoa học	37	1. Xét kết quả thi tốt	A00: Toán, Vật lí, Hóa học

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
		nhiên		tự nhiên		nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	K01: Toán, Ngữ Văn, Vật lí/ Hóa học/ Sinh học B02: Toán, Hóa học, Sinh học A01: Toán, Vật Lí, Tiếng Anh
					03	4. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
9	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	170	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh; D01: Ngữ văn, Toán, Anh; D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh; D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						năm 2026	
					05	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
10	7229010	Lịch sử	7229010	Lịch sử	127	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026	C00: Ngữ Văn, Lịch sử, Địa lí; D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh; X17: Toán, Lịch Sử, GDKT&PL; X70: Ngữ Văn, Lịch Sử, GDKT&PL
						2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	A08: Toán, Lịch sử, GDCD C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C19: Ngữ văn, Lịch sử, GDCD D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
					03	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
11	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	7310630	Việt Nam học (VH-DL)	129	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D15: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh X70: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	X74: Ngữ văn, Địa lý, GDKT & PL
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	
					01	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý C19: Ngữ văn, Lịch sử, GD&ĐT C20: Ngữ văn, Địa lý, GD&ĐT D15: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
12	7480201	Công nghệ Thông tin	7480201	Công nghệ Thông tin	218	1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	A00: Toán, Vật lý, Hóa học; A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh D01: Ngữ Văn, Toán, Anh; X01: Toán, Ngữ Văn, GDKT&PL X02: Toán, Ngữ văn, Tin học
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	A00: Toán, Vật lý, Hóa học A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh C14: Ngữ văn, Toán, GD&ĐT D01: Ngữ Văn, Toán, Anh
					07	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
13	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật		1. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	B08: Toán, Sinh học, Tiếng Anh K01: Toán, Ngữ văn, Sinh học X01: Toán, Ngữ văn, GDKTPL X03: Toán, Ngữ văn, Công nghệ công nghiệp X15: Toán, Sinh học, Công nghệ công nghiệp
					39	3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	
					01	5. Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT	
14	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	95	1. Xét kết quả thi tốt	A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh;

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp xét tuyển
						nghiệp THPT năm 2026 2. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; X21: Toán, Địa lý, GDKT&PL X25: Toán, GDKTPL, Tiếng Anh
						3. Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Sư phạm Hà Nội (SPT) năm 2026	
						4. Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ) trước năm 2026	A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh; A09: Toán, Địa lí, GDCD D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; D84: Toán, GDCD, Tiếng Anh

Ghi chú: Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026 nhưng tham gia dự thi tốt nghiệp THPT năm 2026 thì Nhà trường sẽ xét tuyển theo kết quả tổ hợp môn mà thí sinh dự thi (phải đảm bảo trong tổ hợp Nhà trường đã thông báo).

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

Đối với thí sinh xét tuyển vào các ngành ngoài sư phạm theo phương thức 502 (*xét theo kết quả học tập THPT trước năm 2026*) thì nộp học bạ về Trường Đại học Quảng Nam để làm cơ sở xét tuyển.

Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo & Công tác sinh viên (Tầng 3, khu B, Trường Đại học Quảng Nam, Số 102 đường Hùng Vương, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng).

b. Điểm cộng: Không

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành): Không

d. Các thông tin khác...

6. Tổ chức tuyển sinh

Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

6.1. Thời gian xét tuyển và hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

a) Thí sinh xét tuyển theo kỳ thi tốt nghiệp THPT 2026 như sau:

Đợt 1: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Thí sinh hoàn thành đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng tuyển sinh đợt 1 theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Hình thức đăng ký: Đăng ký qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT theo link: <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo đường link: <https://dichvucong.gov.vn/>.

Đợt 2: Đăng ký nguyện vọng bổ sung (dự kiến)

Bổ sung đợt 1: Từ ngày 01/9/2026 đến ngày 31/9/2026

Bổ sung đợt 2: Từ ngày 01/10/2026 đến ngày 31/12/2026

Hình thức đăng ký:

Đăng ký trực tiếp tại Trường hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện

b) Thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ 3 năm) năm 2026; xét tuyển theo điểm thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM/ ĐHSP Hà Nội như sau:

Đợt 1: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Thí sinh hoàn thành đăng ký và điều chỉnh nguyện vọng tuyển sinh đợt 1 theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Hình thức đăng ký: Đăng ký qua Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT theo

link: <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia theo đường link: <https://dichvucong.gov.vn/>.

Đợt bổ sung: dự kiến

Bổ sung đợt 1: Từ ngày 01/9/2026 đến ngày 31/9/2026

Bổ sung đợt 2: Từ ngày 1/10/2026 đến ngày 31/12/2026

Hình thức đăng ký:

Đăng ký trực tiếp tại Trường hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện

c) Thí sinh xét tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ 3 năm) trước năm 2026

Đợt 1: Theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo

Đợt bổ sung: dự kiến

Bổ sung đợt 1: Từ ngày 01/9/2026 đến ngày 31/9/2026

Bổ sung đợt 2: Từ ngày 1/10/2026 đến ngày 31/12/2026

Hình thức đăng ký:

Đăng ký trực tiếp tại Trường hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện

Lưu ý: Thí sinh xem thủ tục làm hồ sơ tại website: <http://qnamuni.edu.vn>

6.2. Điều kiện xét tuyển: Xem mục 1.1. Đối tượng, điều kiện tuyển sinh; 1.2: Phạm vi tuyển sinh; 1.5: Ngưỡng đảm bảo chất lượng

6.3. Tổ hợp môn xét tuyển đối với từng ngành:

Xem mục 6 (Các thông tin khác mã số ngành, tổ hợp xét tuyển)

6.4. Tổ chức thi các môn năng khiếu:

a) Thời gian nhận hồ sơ đăng ký thi môn năng khiếu:

Dự kiến: Từ ngày ra thông báo đến ngày 14/6/2026

b) Hồ sơ thi năng khiếu

- 01 phiếu đăng ký dự thi năng khiếu

- 01 bản sao giấy CCCD/CMND

- 02 ảnh 4x6

c) Thủ tục dự thi

6.41. Phương thức đăng ký dự thi: Thí sinh chọn 1 trong 3 phương thức sau

1) Đăng ký trực tuyến (online)

Bước 1: Truy cập trang đăng ký online: <http://qnamuni.edu.vn/dangkyduthi>

Bước 2: Nhập thông tin thí sinh

Thí sinh nhập đầy đủ thông tin vào Phiếu đăng ký dự thi môn năng khiếu ngành

Đại học Giáo dục mầm non hệ chính quy năm 2026. Sau khi nhập đầy đủ thông tin, thí sinh chọn nút **Lưu&Nộp phiếu** để lưu và nộp phiếu đăng ký về trường.

Lưu ý: Trước khi lưu và nộp phiếu, Thí sinh cần kiểm tra chắc chắn các thông tin, vì sau khi lưu và nộp phiếu, Thí sinh không thể sửa thông tin của phiếu mà chỉ có thể đăng ký lại phiếu khác để thay thế.

Bước 3: Xem lại thông tin phiếu đăng ký và in phiếu

Thí sinh vào chức năng Tra cứu/Xem lại phiếu và nhập chính xác số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, sau đó chọn nút Tra cứu để xem lại các phiếu đã đăng ký. Thí sinh có thể xem và in toàn bộ thông tin phiếu đăng ký bằng cách kích mục Chi tiết để thực hiện.

Lưu ý: Thí sinh chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc khai báo thông tin trên phiếu đăng ký dự thi.

2) Đăng ký trực tiếp tại Trường Đại học Quảng Nam

Nơi tiếp nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo & Công tác sinh viên (Tầng 3, khu B, Trường Đại học Quảng Nam, Số 102 đường Hùng Vương, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng)

3) Đăng ký bằng cách chuyển phát nhanh qua đường bưu điện

Địa chỉ: Đào tạo & Công tác sinh viên (Tầng 3, khu B, Trường Đại học Quảng Nam, Số 102 đường Hùng Vương, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng)

6.4.2. Lệ phí dự thi: 300.000 đ/ hồ sơ

Nộp lệ phí trực tiếp tại Trường: Phòng Kế hoạch - Tài chính, Tầng 2 - Khu B, Trường Đại học Quảng Nam. Số 102, đường Hùng Vương, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

Nộp lệ phí bằng cách chuyển tiền vào tài khoản của trường với thông tin sau:

- + Tên chủ tài khoản: Trường Đại học Quảng Nam
- + Số tài khoản: 4200201007030 - Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam.
- + Nội dung nộp tiền: Hovaten_LP-THINK-2026

6.4.3. Điều kiện đạt yêu cầu sơ tuyển:

Các môn văn hóa đạt yêu cầu theo quy định Bộ Giáo dục & Đào tạo đối với ngành ĐH Giáo dục Mầm non

6.4.4. Phương thức tổ chức thi: Tổ chức thi môn Năng khiếu

Mã ngành	Tên Ngành	Các môn xét tuyển		Tổ hợp môn	Ghi chú
		Môn Văn hóa	Môn Năng khiếu		
7140201	Giáo dục Mầm non	Toán, Ngữ văn	Năng khiếu (Hát và Đọc diễn cảm)	M00	Điểm thi môn năng khiếu là trung bình cộng điểm thi của các Phân môn Hát và Đọc diễn cảm.
		Toán, Tiếng Anh		M02	
		Ngữ văn, Lịch sử		M01	
		Ngữ văn, GDKT&PL		M03	

6.4.5. Phương thức xét tuyển

- Phương thức (405): Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

- Phương thức (406): Kết hợp kết quả học tập cấp THPT (học bạ 3 năm) năm 2026 và điểm thi năng khiếu để xét tuyển.

- Phương thức (501): Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG-HCM; ĐHSPT Hà Nội năm 2026 và điểm thi năng khiếu.

Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm các môn trong tổ hợp + Điểm ưu tiên (Quy đổi).

Đối với phương thức xét theo kết quả thi ĐGNL: Điểm xét tuyển = Điểm đạt * 20/1200 + Điểm TBC (Năng khiếu) + Điểm ưu tiên (quy đổi) nếu có. Điểm xét tuyển được quy về thang điểm 30.

6.4.6. Gợi ý nội dung thi

Môn năng khiếu gồm 2 phân môn

- Phân môn 1: Hát

Thí sinh trình bày 01 bài hát tự chọn lời Việt phù hợp với chất giọng và trình diễn trọn vẹn 01 lần (không có nhạc đệm), nội dung bài hát lành mạnh, phù hợp với chất giọng, không nên chọn các bài hát thiếu nhi, nếu hát nhạc nước ngoài phải có lời Việt, chủ đề tự do.

- Phân môn 2: Đọc diễn cảm

Thí sinh bốc ngẫu nhiên 01 phiếu thăm, trên đó là bài đọc có nội dung là một đoạn văn hoặc thơ theo chủ đề phù hợp cho lứa tuổi mầm non; đọc diễn cảm đoạn văn hoặc thơ đó. Thời gian chuẩn bị: 5 phút, trình bày: 5 phút.

6.4.7. Điều kiện tổ chức thi

Theo khai báo mục “Điều kiện đảm bảo”

6.4.8. Thời gian thi dự kiến: 14 – 17/6/2026.

7. Chính sách ưu tiên

- *Xét tuyển thẳng*

+ Đối tượng xét tuyển:

Thí sinh người nước ngoài (Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào)

Thí sinh diện dự bị đại học được gửi theo công văn của các trường Dự bị đại học đảm bảo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Điều kiện xét tuyển

Thí sinh đã tốt nghiệp THPT;

Thí sinh phải đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình, ngành đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Nguyên tắc xét tuyển:

Căn cứ theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ Cao đẳng.

Căn cứ kết quả học tập THPT và kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt quy định tại Điều 6 Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 quy định về quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam;

Nhà trường tổ chức xét tuyển vào học chuyên ngành.

- *Chính sách ưu tiên xét tuyển*: Nhà trường thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

Thí sinh đóng lệ phí 20.000đ/thí sinh/nguyên vọng.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro xảy ra. Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, theo văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

- Cam kết giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

- Tổng chỉ tiêu ngân sách: 850

- Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp: Theo quy định của Bộ

GD&ĐT

- Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Không

- Nhà ở sinh viên: 1.600 chỗ.

- Thông tin liên hệ:

+ Địa chỉ: Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, trường Đại học Quảng Nam, số 102 đường Hùng Vương, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng.

+ Số điện thoại: 02353.812933

+ Website: <http://www.qnamuni.edu.vn/tuyensinh>

+ Hộp thư: tuyensinh@qnamuni.edu.vn

10.1. Việc CSĐT thực hiện các cam kết đối với thí sinh giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro.

- Cam kết đối với thí sinh; tư vấn, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro xảy ra. Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, theo văn bản, thông tư hướng dẫn của Bộ GD&ĐT. Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo đề án tuyển sinh đã công bố;

- Cam kết giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại, tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật.

10.2. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành).

Nhà trường áp dụng thực hiện các văn bản về chính sách cho sinh viên như:

Thông tư 35/2014/TTLT-BTC-BGDĐT ngày 15/10/2014 của lên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ/TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

Thông tư số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ BGDĐT-BLĐTBXH-BTC về việc quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật tại các cơ sở giáo dục có dạy người khuyết tật.

Thông tư số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Thủ tướng chính phủ về miễn, giảm học phí cho sinh viên.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7140201	Giáo dục Mầm non	7140201	Giáo dục Mầm non	Xét tuyển kết hợp với thi tuyển	99	99	22.72	97	97	24.26	
2.	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	Xét tuyển	142	142	24.77	141	141	25.80	
3.	7140209	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	Xét tuyển	41	41	23.00	40	40	24.25	
4.	7140213	Sư phạm Sinh học	7140213	Sư phạm Sinh học	Xét tuyển	10	9	23.25	10	10	21.75	
5.	7140217	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	Xét tuyển	40	41	24.20	41	41	25.74	
6.	7140211	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	Xét tuyển	10	10	24.20	10	10	23.50	
7.	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	Xét tuyển	25	24	24.68	21	21	23.94	
8.	7620112	Bảo vệ thực vật	7620112	Bảo vệ thực vật	Xét tuyển	40	0	14.00	75	6	14.0	
9.	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	Xét tuyển	200	135	14.00	140	134	14.0	
10.	7310630	Việt Nam học	7310630	Việt Nam học	Xét tuyển	90	80	14.00	90	47	14.0	
11.	7229010	Lịch sử	7229010	Lịch sử	Xét tuyển	120	103	24.00	90	73	14.0	
12.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển	150	120	14.00	150	92	14.0	
13.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển	95	36	14.00	95	28	14.0	
14.	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Xét tuyển	35	34	22.30	0	0	0	

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 02 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



PGS.TS. Huỳnh Trọng Dương